

Món nợ Văn Hóa Bình Dân và sứ mạng Văn Hóa Dân Tộc

Cuối tháng tám năm 1954, trong số các sinh viên du học nước ngoài được Thủ tướng Ngô đình Diệm gọi về giúp nước có ba người rất tầm thường là Lê thành Cường, kỹ sư canh nông trường Pháp, Đỗ trong Chu, sinh viên cao học ban giao quốc tế đại học Georgetown, Wasingtong D.C.và Huỳnh văn Lang, sinh viên cao học Econometrics đại học Chicago. Sau khi trình diện Thủ tướng, ngẫu nhiên Sở nội dịch phủ Thủ tướng gửi họ vào ở tạm trong Nhà ngục Kinh hoa, Chợ lớn, để chờ ngày được bổ nhiệm vào một chức vụ nhỏ lớn nào đó tùy theo khả năng chuyên môn của mỗi người. Không dè chính trong 20 ngày chờ đợi đó, vì cùng một nhân sinh quan như nhau họ đã gặp nhau ở một điểm: ý thức mình được xã hội đãi ngộ quá nhiều, được đi ăn học xa, được tôi luyện thành người có kiến thức, hiểu biết hơn người...tức nhiên là mang nợ lớn với đồng bào mình, cần phải lo trả, càng sớm càng tốt, càng sòng phẳng càng tốt. Là người lương thiện, mình không có quyền quịt nợ dù nhiều dù ít.

Ý thức mắc nợ và phải trả nợ đã thúc đẩy bộ ba nói trên phải tìm cho ra một phương thức nào để được sòng phẳng với xã hội, với đồng bào. Sau nhiều đêm suy tư, nhìn gương người xưa như một Nguyễn trường Tộ, một Nguyễn phú Thứ, một Phan chu Trinh, một Trương vĩnh Ký...để lại, sau nhiều ngày thảo luận sâu rộng họ đi đến kết luận là chỉ có trường học dạy chữ dạy nghề cho những thành phần hiếu học mà không phương tiện như mình, cũng có nghĩa là không được xã hội ưu đãi như chúng mình. Đó là phương thức linh nghiệm nhất để trả nợ mình mắc một cách sòng phẳng nhất, cùng một lúc giải quyết được sự liên đới xã hội chiều ngang cũng như chiều dọc.

Trường Bách khoa Bình dân được cuu mang từ ý thức mắc nợ và phải trả nợ. Suy luận và quan niệm thì dễ nhưng từ đó đi đến chỗ thực hiện một mưu đồ còn là một con đường dài, nhiều trở ngại, vì cả ba con người có tấm lòng nói trên chưa có chút quyền hành cũng như chưa có chút tiền tài trong tay. Tuy nhiên bộ ba chúng tôi, một người Phật giáo, hai Công giáo, một người Nam và hai người Bắc, tâm tánh rất khác nhau, nhưng lại rất bổ túc cho nhau, luôn luôn rất phục thiện, cởi mở và trung thành hợp tác nhau.

Trong buổi thuyết trình về hội Văn hóa bình dân (1955-1975) ở Viện Việt học ngày 12 tháng 07-08 chúng tôi có nói đến động lực nào đã thúc đẩy chúng tôi vội vã thành lập các trường Bách khoa bình dân (tháng 11, 1954) và sau đó hội Văn hóa bình dân khi vừa mới về nước (tháng 08, 1954). Chính ý thức mắc nợ văn hóa và phải trả nợ, chứ không gì khác và cái ý thức này đã nảy

sinh ra rất sớm từ 9, 10 tuổi (1931-32), tại một trường tiểu học nghèo nàn là trường tiểu học Láng thê, làng Bình phú, quận Càng long, tỉnh Trà vinh.

Người viết là con cháu đại điền chủ, gia đình có cha mẹ và ông nội là hội đồng Huỳnh kim Thịnh (1860-1945) ở làng Long thuận kế cận, sau là ấp Long thuận, làng Nhị long. Vốn người viết có thầy giáo dạy tại gia từ năm lên sáu. Anh Lê văn Tân, cũng là người bà con cô cậu, là một thầy dòng Frère des Écoles Chrétiennes có bằng Thành chung Pháp, vì yếu phổi phải nghỉ dài hạn sau hai năm kinh nghiệm sư phạm trường Taberd Saigon. Anh là người cao ráo trắng trẻo, thầy trò đi dạo chơi trong làng nhiều người lầm tưởng cho là hai anh em ruột. Sau hơn ba năm chăm chỉ người dạy kẻ học, nhận thấy dư sức thi bằng tiểu học nên cha mẹ đã xin ghi tên học lớp nhứt trường công Láng thê. Thời đó ngày học chia làm hai buổi, sáng từ 8 giờ đến 12 giờ, học trò về nhà ăn cơm và nghỉ trưa, để rồi 2 giờ trở lại học tiếp đến 5 giờ, tôi có xe đến rước. Vì thế mà cha mẹ đã gửi tôi cho một gia đình người Hoa có vợ Việt, để về đó ăn cơm trưa và ngủ nghỉ. Nhà chú Đình này có tiệm chụp pho và một thớt thịt heo ở nhà lồng chợ. Nhà có hai cô con gái, con chị 14 tuổi tên Phụng ở nhà giúp mẹ coi cửa hàng, con em tên Loan 10 tuổi đi học cùng lớp với tôi, ở trường thì bảo vệ như một thiên thần hộ mạng, trưa về nhà lo cơm nước như một người chị cả.

Một ngày nắng ráo của tháng tám 1931 sáng sớm cha mẹ cho xe hơi nhà, một chiếc xe Fiat nhỏ có tài xế là anh ba Mau đưa tôi đến trình diện với thầy giáo Chử, trước mặt 37 đứa học trò cả trai lẫn gái, có đứa cao hơn tôi cả cái đầu, ăn mặc rất nghèo nàn lam lũ. Không dè chính phương tiện chuyên chở và ăn diện quần kaki ngắn, áo sơ mi cụt tay, san-dan da là 2 điều làm cho người viết sợ sùng sùng hết sức, vì cho như là mình đi lạc lối. Đã vậy rồi mà vào lớp còn bị mấy đứa con gái ăn hiếp một cách tàn nhẫn, bắt ngồi bên này, dời qua bên kia bất kể lời dạy của thầy giáo Chử. Đến giờ nghỉ ra sân chơi, tôi muốn gia nhập bọn con trai để đá banh cao-su hay chơi bi thì bị cho ra lẽ ngồi chơi, cho là sẽ bị đá gãy giò hay trặc tay báo hại người anh em, còn ló xó xem bọn con gái đánh đu hay nhảy ô thì bị xua đuổi như đuổi tà: “đi ra chỗ khác chơi mầy, đi cho mau!” Trong đời, chưa bao giờ tôi bất hạnh đến thế. Cũng may là tình trạng khốn khổ đó chỉ kéo dài khoảng một tháng thôi.

Vốn nhỏ tuổi và ốm yếu, nhưng chẳng bao lâu cả lớp con trai con gái đều nhìn nhận là thằng con nhà giàu này lại giỏi toán và tiếng Pháp hơn bọn chúng quá xa. Thật vậy, riêng hai môn này, tôi học ba năm rưỡi bằng chúng học trong 10 năm. Không chắc gì tôi thông minh tài ba hơn chúng, nhưng chắc chắn là tôi học được quá nhiều giờ hơn, mà còn có thầy giỏi dạy, ít ra là 3 giờ mỗi ngày và 6 ngày một tuần. Đang khi đó thì thầy giáo Chử làm sao mà lo cho xuể 37 đứa học trò, chỉ nói hai môn đó thôi, còn ba bốn môn khác như chánh tả, luận, cách trí dù là thường thức. Có phải vì lu bù trách

nhệm quá sức mình, mà thầy luôn luôn có tật véo đít con trai cũng như con gái, những khi gọi lên bàn từng đưa một để sửa bài trước mặt cả lớp. Một cái sơ sót một cái lỗi là một cái véo đít và có những cái nhăn nhó, đau đớn, nhiều khi nước mắt rơi mà không dám khóc thành tiếng.

Tất nhiên tôi luôn luôn thoát khỏi dễ dàng cái tai nạn khủng khiếp đó, nhưng lại không khỏi thông cảm và chia sẻ cái bất hạnh của các nạn nhân. Vì thế mà như tự nhiên hay là vì bản tánh hay bất bình tôi đã khởi sự chỉ bài cho con Loan trước, kế tiếp là cho cả bọn, không một chút có ý trả thù trẻ con mà lại rất vui sướng như là bắt gặp được một cơ hội để trả nợ, vì thấy mình may mắn hơn chúng, được gia đình và xã hội đãi ngộ quá nhiều. Thật ra lúc đó tôi hạnh diện thì có, nhưng hoàn toàn không kiêu căng, không “làm tàng”. Nhờ thế mà từ đó tất cả bọn con trai, con gái không còn ruồng bỏ tôi nữa, con trai sẵn sàng cho tôi tham gia các trò chơi của chúng, có những đứa con gái còn muốn dạy tôi đánh đũa là khác, tất cả đều muốn làm bạn với tôi. Con Xuân là con nhỏ ăn hiếp tôi nhất đã bắt đầu thương tôi nhất. (1)

(1) Trời dong rủi thế nào mà 25 năm sau, anh ba Đức, con cô ba tôi cũng là dưỡng hai của nó đã dẫn nó vào Viện Hối đoái xin việc làm với tôi.. Nó ngại ngùng bao nhiêu, tôi thương và giúp đỡ nó bấy nhiêu.

Nói như trên để thấy rằng từ thưở 9, 10 tuổi tại một cái trường tiểu học nghèo nàn ở Láng thế đã có một sự phát triển ý thức, một sự biến chuyển tâm linh ẩn tàng trong tiềm thức chờ ngày bộc phát ra hành động cụ thể. Đó là những xu hướng có từ thiếu thời để thành hình khi trưởng thành. Vì thế mà tôi đã chọn con đường giáo dục, đúng hơn là đi dạy học, dạy ở đây không có nghĩa là chỉ bảo mà là chia sẻ với nhau giữa bạn bè, “mày chia sẻ cho tao những trò chơi banh cao-su, đánh bi hay thả lỗ, tao chia lại cho mày mấy câu tiếng Pháp, mấy cái mẹo làm toán đố”, thật là thân tình như là bạn bè, cũng là cái gương của anh hai Tân để lại cho tôi. Năm 19 tuổi, tôi đã đi dạy một lớp chót của trường Nguyễn trường Tộ, Vĩnh long. Năm 24 tuổi đi dạy trường Philippe Minh của Đ.C. Ngô đình Thực, Vĩnh long và năm 35 tuổi dạy Đại học sư phạm, Saigon, cùng một lúc dạy hai lớp tối trường Bách khoa bình dân, Saigon từ 1954-1963.

Phân công với nhau thì Huỳnh văn Lang sẽ là Giám đốc, Lê thành Cường sẽ là thư ký kiêm thủ quỹ, Đỗ trong Chu trách nhiệm chương trình giảng dạy. Là Giám đốc, tôi liên lạc ngay với bộ Giáo dục và mượn trường nữ Tôn thọ Tường, đầu đường Trần hưng Đạo, bà Huỳnh ngọc Nữ đương là hiệu trưởng. Lúc đầu chúng tôi chỉ dám nghĩ đến một trường học dạy chữ dạy nghề vài ba trăm sinh viên là tối đa. Nhưng không dè trong tình thế chánh trị hỗn loạn, hoàn cảnh xã hội dao động lúc bấy giờ do Hiệp định Genève (20-07-54) chia đôi đất nước gây ra...nhu cầu giáo dục bình dân bộc phát quá sự

tượng tượng. Theo tài liệu của ban quản trị hội Văn hóa bình dân khóa 1964-65, con số đồng bào già trẻ ghi tên theo học những ngày đầu tháng 11, 1954 lên đến 7, 719 người, đủ mọi thành phần xã hội, nhưng vì số lớp có giới hạn, chúng tôi cố gắng hết sức chỉ thu nhận được 1,275 học sinh. Và trường Bách khoa bình dân đã chính thức khai giảng ngày 15 tháng 11, 1954, gồm các lớp sau đây:

Ban Văn hóa. các lớp dạy ngoại ngữ: tiếng Pháp, Anh, Nhật, Đức, Quan thoại, Quảng đông, lớp dạy sử Việt. Có đến 4 lớp tiếng anh, 2 lớp Quảng đông)

Ban thực nghiệp: Điện kỹ nghệ, Vô tuyến Điện, Họa kỹ nghệ và Công chánh, Giám thị công trường, Quảng cáo, Y học, Máy nổ 2 thì, Kế toán, Kinh tế nhập môn, Nhiếp ảnh, Nữ công, Ước lượng viên, Trữ dược, Tốc ký, Đánh Máy Chữ, Trợ tá, Cắt may.

Khóa học là 4 tháng rưỡi, hoàn toàn miễn phí và trường còn giúp giấy bút mực cho học sinh nghèo nào cần.

Trách nhiệm ưu tiên của Giám đốc là chạy tiền và tụ tập giảng viên thiện nguyện cần thiết và đầy đủ cho các môn đã có và sẽ mở thêm. Chính đây mới thấy được thế nào là phép lạ đã đến để giải quyết cho chúng tôi hai vấn đề thiết yếu nhứt để một mưu đồ văn hóa được thành tựu mỹ mãn, là tiền và tấm lòng thiện nguyện hi sinh của giới trí thức miền Nam trong một giai đoạn lịch sử đầy bất trắc khó khăn cho xã hội, cho đất nước. Cũng không quên được cái ơn của chế độ, vì chỉ có trong một chế độ dân chủ tự do, một sáng kiến cá nhân, một ý thức sáng tạo và những tấm lòng thiện nguyện mới có cơ nảy nở đơm hoa kết quả và mưu cầu lợi ích cho toàn dân, không riêng gì cho một giai cấp hay một đảng phái nào. Và khi nói đến chế độ, chúng tôi không thể quên ơn Thủ tướng, sau là Tổng thống Ngô đình Diệm, không có hậu thuẫn vật chất và nhứt là tinh thần của Người thì chắc chắn mưu đồ văn hóa của chúng tôi không thể nào được thành tựu mau chóng để rồi thu lượm được nhiều kết quả tốt đẹp liên tiếp trong 2 thập niên kế tiếp như chúng ta thấy như sau.

Vốn sau khóa I, nhận thấy cần phải củng cố và phát triển mưu đồ văn hóa của mình, qua năm sau (tháng tư 1955) chúng tôi thành lập hội Văn hóa bình dân.(1)

(1) Sáng lập viên: Phan thị Minh Châu, Đỗ trọng Chu, Trần thị Quý, Vũ ngọc Tân, Nguyễn Dược, Nguyễn Minh Đẩu, Bùi kiến Thành, Mai thị Dung, Lê phát Đạt, Lý trung Dung, Tôn thất Thiết, Trần văn Bửu, Hoàng đình Quý, Nguyễn phổ Lu, Vũ ngọc Hoàn, Bùi huy Giám, Nguyễn bửu Loan, Nguyễn tấn Chúc, Trần tế Dương, Nguyễn Thái, Lê Lữ, Huỳnh văn Lang, Hồ hản Hồng, Phan văn Trí, Nguyễn ngọc

Phòng, Lê đình Liêm, Vũ thị Tin, Nguyễn văn Trương, Đặng phúc Yên, Võ văn Hải, Trương thị Bảo Khánh, Trương thị Bảo Thư, Đỗ vạng Lý, Lê thành Cường, Nguyễn Xuân Diễm, Vũ văn Thái, Nghiêm xuân Đức, Trần ngọc Ninh, Bùi văn Thịnh, Bùi bá Lư, Lê văn Duyên, Đoàn Thêm và Nguyễn văn Lưu.

Ban trị sự niên khóa 1955-56: Chủ tịch: Huỳnh văn Lang, Phó chủ tịch: Nguyễn Thái, Tổng thư ký: Đỗ trọng Chu, Phụ tá TTK: Trần thị Quý. Thủ quỹ kiêm thư ký văn phòng: Lê thành Cường. Kiểm soát viên: Bùi kiến Thành

Dưới bóng hội này, chúng tôi đã sáng lập hội Nghiên cứu kinh tế và tài chánh, tạp chí Bách khoa, nhà in Văn hóa, thư viện và diễn đường Phan kế bính, sau hết là Ban tráng niên, chống nạn mù chữ. Vài con số sau đây để chứng minh thành quả của mưu đồ văn hóa bình dân của chúng tôi trong vòng 10 năm đầu (1954-1964). Chỉ mỗi một trường Bách khoa bình dân Saigon/Cholon với 21 khóa hai ban văn hóa và thực nghiệp của nó đã giúp cho 34,753 sinh viên tiến triển trong sự nghiệp của mình khả quan hơn, tức nhiên là góp công không ít vào việc xây dựng và phát triển miền Nam Việt nam. Nếu nhìn vào thành phần sinh viên tốt nghiệp thì càng thấy khích lệ hơn nữa: 40% công tư chức, 35% thợ thuyền, 15% quân nhân và 10% nội trợ và linh tinh. Nói đến ban Tráng niên chống nạn mù chữ, thì con số còn lớn hơn nữa: trong 10 năm đầu đã có 81,174 người theo học và được cấp chứng chỉ, chia ra như sau: 23,472 đậu vỡ lòng, đậu bổ túc 37, 902, luyện thi tiểu học 17,555 người, cắt may 2,245 người. *(Tất cả những con số trên đây đều lấy ra từ tập tài liệu của Ban Quan trị niên khóa 1964-1965 để lại..*

Một điều khác cũng quan trọng cần nhắc lại ra đây. Hội văn hóa bình dân không tập trung tất cả hoạt động của mình ở vùng Saigon/Gia định mà còn mở nhiều chi nhánh ở nhiều tỉnh khác nữa là Dalat, Bảo lộc, Ban-mê-thuột, Phan rang, Huế, Mỹ tho, Vinh long và Sóc trăng. Trong 10 năm đầu với sự tài trợ của Trung ương chúng tôi, các chi nhánh hoạt động rất mạnh như chi nhánh Biên hòa dưới sự điều hành của Giám đốc Trần xuân Roanh, chi nhánh Ban- mê-thuột dưới sự điều hành của anh Trương đình Huân, chi nhánh Bến tre với chị nghị sĩ Phan nguyệt Minh, chi nhánh Dalat với anh Bùi viết Văn...

Kết luận: Ý thức mắc nợ xã hội và lo trả nợ là động lực xây dựng và phát triển một mưu đồ văn hóa bình dân không phải riêng gì của một cá nhân mà là của một nhóm trí thức miền Nam thiện chí và thiện nguyện. Họ đã hi sinh một ít thì giờ của mình mà đã làm được một việc bất thường nếu không nói là phi thường, đã góp công xây dựng và phát triển miền Nam tự do và phú cường. Dù trong một thời gian ngắn ngủi 20 năm, nhưng lịch sử văn hóa văn học không thể nào không ghi tên của họ. Tuy nhiên người viết cũng không quên, ngoài những người đã ít nhiều trả nợ xã hội như nói trên, còn bao

nhieu người khác có khi còn mắc nợ hơn chúng tôi nhiều, như khi ra hải ngoại đã viết hồi ký khoe mình nào là học giỏi, đỗ đạt cao ở các trường lớn như HEC, Polytechnique, Centrale, Harvard, Yale, Columbia...và đã giữ nhiều chức vụ cao lớn trong hai chế độ miền Nam, nhưng thật ra họ chỉ là những người quit nợ, vì họ chỉ là những phường giá áo túi cơm, không hơn không kém.

Sứ mạng văn hóa dân tộc.

(Trong bài nói chuyện ở Viện Việt học ngày 12 tháng 7, 2008, theo đề nghị của Viện chúng tôi có mạo muội thử dùng kinh nghiệm hội Văn hóa bình dân (1955-1975) ở V.N. trước kia làm một bài học để bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc cho người Việt hải ngoại.)

Trước hết xin sơ lược định nghĩa văn hóa là gì, vì thật ra có quá nhiều định nghĩa khác nhau. Văn hóa là cách sống, cách suy nghĩ, cách giao tiếp giữa người với người, hay nhân sinh quan, cách nhìn về vũ trụ hay vũ trụ quan, cách nhìn về sự vật hữu hình và vô hình hay là tín ngưỡng, ngôn ngữ, văn chương văn học, nghệ thuật, kỹ thuật, khoa học, trò chơi, giải trí, múa hát, cách xây cất nhà cửa, cách ăn uống, nấu nướng, ăn mặc v.v....Như thế văn hóa có thể chia ra hai loại chánh: tinh thần và vật chất. Mỗi dân tộc đều có một nền văn hóa khác với dân tộc khác hoặc ít hoặc nhiều, có lắm điểm giống nhau vì cùng một chủng tộc với nhau, cũng như có lắm điểm giống nhau như đỏ với hồng và có khi nhiều điểm đối chọi nhau như trắng với đen, duy vật với duy tâm. Bản chất văn hóa là động hay biến đổi theo thời gian, theo không gian, sinh ra và phát triển không ngừng nghỉ, biết gìn giữ cũng như biết thu nhận và bỏ đi, tuy nhiên cũng có những điểm luôn luôn tồn tại và phải tồn tại cũng như có những điều không thay đổi được, hoàn toàn bất di bất dịch và bất biến như lịch sử của mình.

Sau 10 năm (1920-1930) tôi luyện vừa lý thuyết vừa thực hành ở Nga và ở Tàu, Hồ chí Minh (HCM) đã trở thành một cán bộ trung kiên của Đệ tam Quốc tế (Commintern) và với chức vụ một “tông đồ” Mac-lêninit, cuối năm 1930 ông về Hong-kong thành lập Đảng Công sản Đông dương, mưu đồ nhuộm đỏ Đông Nam Á, đầu tiên là Việt nam. Tức là chủ trương đem văn hóa Mac-leninit đi chinh phục và chi phối các văn hóa khác, dưới danh nghĩa giải phóng các dân tộc khỏi chế độ thuộc địa của người Âu Tây, cùng một lúc đặt để các nước vào biên thùy của Đế quốc CS quốc tế. Tại sao không gọi Đế quốc là Đế quốc?

Từ đó cái quá trình “nhuộm đỏ” mà từ đây tôi gọi là thuộc địa hóa văn hóa đã được HCM và Đảng CS Đông dương (sau đổi tên là Đảng CS V.N.) năng

nổ và trì chí xúc tiến trong vòng 15 năm, đưa đến kết quả cụ thể là HCM lập được căn cứ ở Pac-bo năm 1945, tức là trên đất nước của mình, để rồi từ đó thành lập mặt trận Việt minh cướp lấy chánh quyền trên tay chánh phủ Quốc gia, loại bỏ các đảng phái Quốc gia, giành lấy độc quyền yêu nước, triệt để khai thác lòng yêu nước của toàn dân để độc quyền chống Pháp, đánh đổ thực dân Pháp ở Điện biên phủ. độc quyền vinh quang chiến thắng, cướp công của toan dân, cùng một lúc vay của đàn anh Trung cộng một món nợ khổng lồ, phải cầm cố vận mạng và tương lai của dân tộc với hiệp định Genève 20-07-54 chia đôi đất nước, cũng là thành công đem văn hóa Mac-lêninit chinh phục và chi phối ít ra là phân nửa dân tộc V.N.. Thật sự HCM và Đảng CSVN là người bất TRI và bất TRÍ bị đàn anh Nga Tàu ép buộc hay xỏ mũi. bắt thi hành một việc mà mình không muốn, biết rằng về lâu về dài quá tai hại cho dân tộc. Chiến tranh chống Mỹ cũng là theo lời đàn anh “xuối ăn cút gà” càng chứng minh HCM và Đảng CSVN hoàn toàn bất tri và bất trí hơn nữa, nếu không nói là ngu xuẩn như bà Dương thu Hương đã nhiều lần khẳng định.

Đảng CSVN luôn luôn tự cho mình là đỉnh cao trí tuệ loài người, nhưng luôn luôn sai lầm để rồi sửa sai, lại sai lầm nữa để rồi sửa sai nữa, chính họ nhìn nhận điều đó, chớ không phải là do ai bịa chuyện, danh từ sửa sai là của người CS, không phải là của người quốc gia tạo ra, nhiều khi họ còn hãnh diện về hai từ đó, nhưng chính hai từ đó lại chứng minh họ sai lầm liên miên, nhiều lần sửa sai là nhiều lần sai lầm. Thế thì đỉnh cao trí tuệ loài người ở chỗ nào, thử hỏi? Và sai lầm là vì bất trí bất tri hay là ngu xuẩn cũng vậy thôi. Đúng như một thường tọa ở Nha trang đã nêu đại tự trước cửa chùa: *Ngụ mà biết mình ngu là trí, Ngụ mà cho mình trí thì chính đó mới thật là ngu.* Người viết lại nghĩ rằng người CS đã lẫn lộn cái đít thành ra cái đầu, chỉ có vậy thôi!

Cái bất tri bất trí của HCM và Đảng CSVN được lịch sử chứng minh hùng hồn qua hai sự kiện đánh Thực dân Pháp để giành độc lập và đánh Mỹ để thống nhất đất nước. Bao nhiêu thuộc địa Pháp cũng như thuộc địa Anh đã giành được chủ quyền mà không cần phải hi sinh xương máu của cả một hai thế hệ thanh thiếu niên thiếu nữ như V.N. đó là chưa nói đến chuyện mất mát bao nhiêu là giá trị tinh thần, giá trị văn hóa nữa. Đánh Mỹ để thống nhất bất chấp con đường hòa bình theo Hiệp định Paris (1972-73), chẳng những đã bất tri bất trí mà còn bất tín, để rồi lại phải “qui mã và mã qui”. Đâu phải là những con đường đầy vinh quang chiến thắng. Người Pháp có câu ngạn: *Rira bien, qui rit le dernier!* (Người cười sau cùng là người cười đúng lý, cũng có nghĩa là khoái trá) Vậy trong hai trường hợp nói trên ai là người cười sau hết? Tất nhiên không phải là HCM và Đảng CSVN, mà là Nga Tàu và Mỹ, người cười lớn tiếng và khoái trá nhất là Tàu. Người này sau mấy ván bài đều thắng, còn thành ra chủ nợ lớn, thêm đất thêm biển, thêm cả con trai lực lưỡng khỏe mạnh, thêm cả đàn bà con gái xinh xắn mắn con, muốn bao nhiêu cũng có!

Việc đánh chiếm miền Nam đã tạo ra một cơ hội ngàn năm một thuở để thống nhất dân tộc vừa đất nước vừa lòng người, nhưng người CS miền Bắc đã đánh mất đi, thật là một điều ngu xuẩn tột cùng mà chắc chắn lịch sử muôn đời không thể tha thứ được: thay vì hòa giải hòa hợp để đoàn kết một dân tộc thành ra một khối duy nhất, chẳng những để phát triển vừa nhanh vừa mạnh mà còn thành một lực lượng chống xâm lăng vô song như thời nhà Trần chống quân nhà Nguyên. Rất tiếc là họ lại chia xẻ sâu xa và dứt khoát hơn trước. Vốn ngoài miệng họ gọi là giải phóng, nhưng giải phóng ai, giải phóng cái gì? Sự thật là để *"bọn ngụ, nhà cửa, tiền tài, ruộng vườn của chúng nó, ta tịch thu, vợ của chúng nó ta xài, con của chúng nó ta sai, chồng của chúng nó ta đày đi tù rục xương nơi rừng thiêng nước độc..."* (trích bài diễn văn trong buổi Đại hội chiến thắng của chính ủy Nguyễn Hộ ngày 17 tháng 5, 1975). Đúng là một thứ thực dân mác-xít, nhà báo Lacouture gọi là autocolonisation (tự đô hộ hóa) mà người viết cho là nửa dân tộc này đô hộ nửa dân tộc kia mới đúng hơn. Chính sách đô hộ hay thực dân mác-xít này đã được Đảng CSVN thực hiện và xúc tiến một cách triệt để với (a) chế độ tù cải tạo cho toàn thể cán bộ quân dân chính của miền Nam mà con số lên đến trên 500,000 người, bao nhiêu người đã chết trong tù và bao nhiêu người sống sót với bệnh hoạn thể xác và tinh thần kinh niên. Chánh sách (b) đi kinh tế mới đã phá hoại cả triệu gia đình người miền Nam, đàn bà con gái trẻ con ông già bà cả... bao nhiêu con người tất cả đều vô tội, phải bị một đời thương tích bệnh tật thể xác cũng như nội tâm. Chủ trương (c) cướp giựt đại qui mô con người và tài sản của miền Nam, bao nhiêu đàn bà con gái miền Nam phải lấy cán bộ miền Bắc để đổi lấy sự an toàn cho mình, cho cha mẹ hay anh em con cái của mình, bao nhiêu của cải từ chiếc xe đạp, xe gắn máy, máy may, nhà cửa, máy móc trang bị... được tải về miền Bắc, để rồi sau đó còn muốn (d) tiêu diệt luôn văn hóa văn học miền Nam, đốt sách báo, cassettes, đĩa hát, CD của miền Nam. Thế kỷ 12 CN quân Mông cổ của Thành Cát Tư Hãn đánh chiếm miền Đông Âu cũng như Trung Đông không bao giờ giết hại một người có chút nghề canh nông, nghề thợ mộc thợ rèn, nói chi là thầy giáo, nghệ sĩ... và luôn luôn tôn trọng văn hóa Kitô giáo và Hồi giáo, chính Hốt Tất Liệt (Koubilai Khan) sau khi chinh phục Trung Hoa cũng vẫn tôn trọng văn hóa Hán mà còn phát huy thêm bằng cách cho nhập cảng Phật giáo chánh thống Tây tạng và kỹ thuật khoa học của Âu Tây (đọc Marco-Polo). Nhiều lần người viết tự hỏi, không lẽ người CS miền Bắc cũng là người Việt nam lại kém văn minh hơn người Mông cổ 700 năm trước? Không lẽ người CS miền Bắc cũng là người anh em đồng bào lại mất tình người, mất luôn tính người đối với người miền Nam như thế?

Không cần suy nghĩ người viết đã tìm ra câu trả lời ngay như sau: Bao nhiêu cái sai lầm, bao nhiêu cái khốn nạn, bao nhiêu cái tiêu cực do HCM và Đảng CSVN gây ra cho dân tộc V,N, tất cả đều bắt nguồn từ cái văn hóa duy vật Mác-lêninit HCM nhập cảng từ Moscowa và từ năm 1930 Đảng CSVN đã đem truyền bá vào xã hội V.N. qua những giai đoạn lịch sử cũng là những mốc

thời gian 1930 (thành lập đảng CS), 1945 (Việt minh cướp chính quyền), 1954 (hiệp định Genève chia đôi đất nước) và 1975 (đánh chiếm miền Nam) đã chi phối văn hóa dân tộc V.N. gần như hoàn toàn, nếu không nói là đào thải hay thay thế. Không cần phải chứng minh, vì hiện tượng dôi dôi văn hóa đó đã và đang là một hiện tượng hiển nhiên gần như toàn diện và mặc định, đến đối người ta trong nước không còn ý thức được nữa, tất nhiên cũng còn có một số người luôn luôn thức tỉnh.

Tuy nhiên cái quốc nạn nói trên đã gây nên một hiện tượng khác hoàn toàn bi hùng tráng, đó là hiện tượng thuyền nhân, vượt biên...chạy giặc CS của mấy triệu con người, thách đố con người CS, thách đố cả thiên nhiên để đi tìm một môi trường mới, mà ở đó họ hy vọng bảo tồn văn hóa dân tộc của họ, một thứ văn hóa duy tâm mà ông cha của họ đã dày công xây đắp từ hơn 2,500 năm nay, một thứ văn hóa nhân bản mà họ được tự do phát triển theo chiều hướng văn minh tiến bộ của nhân loại, ở đó đầy tình người, đầy nhân nghĩa, chẳng những cơm no áo ấm và nhút là đầy hiểu biết không còn ngu xuẩn tuyệt đối, ở đó cái dạ dày và bộ óc cũng như trái tim không còn bị chi phối bởi người CS vừa ngu xuẩn vừa dã man như những ai bị kẹt ở lại nhà đã kinh nghiệm! (2)

(2) Dân Do thái bỏ Ai cập ra đi thế kỷ 11 trước CN chỉ vào khoảng 15,000 người, thế kỷ 11 CN bà con nhà Lý chạy nhà Trần chưa tới 3,000 người, thế kỷ 17 quần thần nhà Minh chạy quân nhà Thanh chưa tới 5,000 người, Người Tô-cát và Anh-cát bỏ xứ ra đi để được tự do giữ đạo của mình trong cả 2 thế kỷ 16-17 chỉ tính được hằng trăm hằng ngàn là cùng. Năm 1954 Bắc kỳ di cư chạy giặc CS với tàu bè quốc tế chỉ tính được chưa tới 900 ngàn người. Chạy giặc CS năm 1975 và mấy năm sau đã chiếm giải quán quân trong lịch sử nhân loại, chỉ tính bằng những con số thôi, còn nói về phương tiện chuyển vận thì đúng là chuyện siêu phàm.

Từ rày (tháng tư 1975) con số mấy triệu người bỏ nước ra đi dù muốn dù không dù ý thức hay không, trước mặt lịch sử cũng như trước mắt nhân loại họ đã mang trên người một cái lai lịch mới, một ID mới để cho thế giới nhận diện và thế giới đã nhận diện họ từ hơn 30 năm nay, đó là ID người chạy giặc CS. Như là một bản chất thứ hai, dính liền theo ID chạy giặc CS này là cái sứ mạng phải bảo tồn cho kỳ cùng cái văn hóa dân tộc mà mình mang theo, vì mình đã mất tất cả ngoại trừ ra cái văn hóa dân tộc của mình. Mất tất cả mà còn lại được cái gì thì phải trù mển nâng niu, đó là lẽ tất nhiên. Cho nên cái sứ mạng bảo tồn hay gìn giữ cũng là cái lẽ tất nhiên. Còn ý thức cùng chẳng lại là một lẽ khác nữa. Nhưng dù không ý thức di nữa, việc làm hằng ngày của họ đã nói lên rõ ràng họ đã dứt khoát chọn lựa giữa hai thứ văn hóa hoàn toàn mâu thuẫn nhau là văn hóa ngoại lai Mác-lêninit và văn hóa truyền thống dân tộc V.N.. Đây là một bằng chứng cụ thể và điển hình, mà những

người “có mắt như mờ” không thấy được. Vốn sau khi chiếm đóng miền Nam, người CS miền Bắc đã đổi tên Saigon ra Hồ chí Minh, để nói lên cái gì nếu không phải là để xác nhận rằng từ rày văn hóa duy vật Mác-lêninit mà HCM là biểu tượng vĩ đại và rõ ràng nhứt sẽ ngự trị nếu không nói là thay thế cái văn hóa duy tâm của miền Nam. Nhưng người Việt hải ngoại đã và đang, nghĩa là luôn luôn phủ nhận cái tên HCM một cách mãnh liệt dù không to tiếng, nhưng luôn luôn âm ỷ, dù không ý thức nhưng luôn luôn sống động. Người viết không nói đến những biểu diễn văn hóa văn nghệ tiếng tâm và nhiều màu sắc như Paris by Night, Asia..mà là những cái tên Saigon lộ liễu hay kín đáo, to nhỏ khác nhau ở khắp nơi nào có cộng đồng người Việt sinh sống và sinh hoạt hằng ngày. Người viết đã thử đếm thì thấy trong quận Cam này có hơn 50 cơ sở thương mại hàng hóa hay dịch vụ, cả truyền thông phát thanh truyền hình báo chí... nào là Saigon City, Saigon Bistro, Saigon Deli, Saigon Cafe, Saigon Cuisine, Saigon nhỏ, Saigon BTN, Little Saigon, Saigon Realty, Saigon Barber, Bánh mì Saigon, Saigon phở, Saigon Pagoda , Saigon Fashion...Chợ lớn cũng có hai ba cái. Houston Texas cũng có gần 20 cơ sở lấy tên Saigon, San José, Washington D.C., Florida v.v.đều có ít nhiều. Như thế còn có nghĩa là người Việt hải ngoại còn tha thiết với cái văn hóa, phóng khoán tự do dân chủ hơn là cái văn hóa đầy xảo trá gian dối như HCM, đầy sắt máu hận thù chia rẽ như Đảng CSVN. Thật ra chính ở trong nước người miền Nam vẫn còn tha thiết với văn hóa nhân bản của dân tộc mà Saigon là biểu tượng thân thương của họ, nên họ đã từ chối tên HCM, quá lắm thì họ gọi tắt Thanh phố hơn là Thánh phố HCM. Thành ra HCM chỉ là một cái tên chết, chờ ngày bị gạch sổ trên bản đồ thế giới, như Lenigrad, Staligrad ở Nga, HCM làm sao hơn cha thầy của mình được?

Nhưng cũng như người miền Nam kẹt ở lại nhà, người Việt hải ngoại không có hay là chưa có ý thức chống đối hay phủ nhận cái văn hóa hai lần ngoại lai của người CS miền Bắc đem vào hảm hiếp và ngự trị văn hóa miền Nam. Hoặc giả chỉ có ý thức một cách mù mờ thôi.

Biết rằng hoàn cảnh người chạy giặc hay tỵ nạn CS không phải ai ai cũng được dễ dàng. Tuy nhiên có hai lý do bắt buộc con người VN hải ngoại phải có ý thức bao lâu mà còn mang theo mình cái ID vừa bất hạnh vừa vinh hạnh: bất hạnh vì hơn người vô gia cư (homeless) đã mất tất cả, vinh hạnh vì có sứ mạng gìn giữ một cái gì quý báu còn có thể giữ được và phải giữ cho kỳ được, vì chính tại quê nhà nó đang bị đánh mất đi một cách thảm hại, như trên mặt báo chí trong nước, cả báo Công an của Nhà nước XHCN, hằng ngày đều có nêu ra những mất mát quá lớn và quá nhiều, HCM và đảng CSVN đã xua đẩy xã hội VN vào một quá trình tiêu cực như là một vòng xoáy một chiều không sao quay ngược lại được.

Nếu chưa có ý thức thì phải làm cho có ý thức và ai là người phải đứng ra nhận lãnh trách nhiệm làm cho sanh ra và nảy nở cái ý thức sứ mạng đó?

Người viết nghĩ đến mọi người, ai là người VN có cái ID chạy giặc CS là người có trách nhiệm phải gây ra cái ý thức đó. Người viết nghĩ đến mọi người và mỗi người, người làm cha, người làm mẹ, nhà văn, nhà báo, nhà giáo, thương gia cũng như kỹ nghệ gia, bác sĩ kỹ sư kiến trúc sư du học sư, chị làm đầu làm nails cũng như cô bán hàng hay anh làm bếp...và nhứt là những hội đoàn, những hiệp hội, những hội ái hữu cựu sinh viên, những hội đồng hương, hội chuyên nghiệp, học viện, hội nhà văn v.v cũng không nên bỏ qua những tổ hợp dòng họ đại gia đình như họ Bùi, họ Huỳnh, họ Đỗ...(người CS không có gia đình, chỉ có Đảng; không có đồng bào, chỉ có đồng chí). Tất cả đó là những hậu cứ nếu không phải là tiền đồn để bảo tồn văn hóa dân tộc khi phải lưu vong ở xứ người.

Người viết kêu gọi mọi cá nhân, mọi đoàn thể phải đứng ra mở một chiến dịch gây ý thức sự mạng văn hóa dân tộc của mình. Biết rằng từ lâu bao nhiêu cá nhân bao nhiêu hiệp hội đã thiết tha hoạt động để bảo tồn cũng như phát huy văn hóa dân tộc mình, nhưng có ý thức hay không là một chuyện có khi quên đi.

Đây là một chiến dịch, chưa phải là một mặt trận văn hóa dân tộc. Nếu người nào còn mang ID chạy giặc CS mà còn một chút, tôi xin nói lại một chút ưu tư cho vận mạng và tương lai văn hóa dân tộc V.N. mình, còn biết một chút bất bình về những cái trái ngược hay phản lại văn hóa dân tộc mình đang xảy ra trên đất nước của mình thì tất nhiên nên đứng vào mặt trận văn hóa dân tộc này. Để làm cái gì?

Trước kia vì ý thức mắc nợ văn hóa bình dân với xã hội và ý thức phải lo trả nợ mà người viết đã quy tụ được một số anh em trí thức để làm được một việc bất thường, nếu không nói là phi thường, thì ngày nay ở hải ngoại này cái sự mạng văn hóa dân tộc này, thiết nghĩ còn quan trọng hơn cái nợ văn hóa bình dân vạn bội. Ý thức là bắt đầu thì nên bắt đầu bằng sự bắt đầu (Begin by and with the begining). Ý thức sẽ đưa đến hành động. Hành động thế nào, thì đó là nội dung cho một bài khác cũng là nỗi ưu tư của mỗi người chúng ta.

Huỳnh Văn Lang

Westminster, ngày 06 tháng 12, 2008

Nguồn: [Món nợ Văn Hóa Bình Dân và sự mạng Văn Hóa Dân Tộc - Nam Kỳ Lục Tỉnh \(google.com\)](#)

www.vietnamvanhien.org

